

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao chỉ tiêu nâng cao khả năng
tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 26/TTr-SLĐTBXH ngày 12 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố và sở, ngành, đơn vị liên quan với nội dung cụ thể sau:

(Theo phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, triển khai thực hiện chỉ tiêu về bảo hiểm y tế cho người cận nghèo.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, triển khai kế hoạch và hướng dẫn các địa phương, sở, ngành liên quan thực hiện hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận chỉ tiêu về tình trạng đi học của trẻ em.

3. Sở Xây dựng chủ trì, triển khai kế hoạch và hướng dẫn các địa phương, sở, ngành liên quan thực hiện hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận chỉ tiêu về nhà ở.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Y tế triển khai kế hoạch và hướng dẫn các địa phương, sở, ngành liên quan thực hiện hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận chỉ tiêu về nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, triển khai kế hoạch và hướng dẫn các địa phương, sở, ngành liên quan thực hiện hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận chỉ tiêu về sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Trên cơ sở kế hoạch, hướng dẫn của các ngành có liên quan, khẩn trương bổ sung chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản vào Kế hoạch giảm nghèo năm 2021 của huyện; giao chỉ tiêu cho các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn và chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn thực hiện. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan để triển khai thực hiện. Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về các sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước 10/10/2021 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

7. Các sở, ngành có liên quan: Trên cơ sở các chỉ tiêu, tiêu chí giảm nghèo và nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2021 phối hợp với các sở, ngành chủ trì để thực hiện; tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp để tác động trong các chương trình, chính sách đặc thù và thường xuyên của ngành phụ trách nhằm đạt các mục tiêu giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, nhất là các vùng miền núi, vùng khó khăn, vùng bãi ngang ven biển.

8. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản năm 2021, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD Giảm nghèo tỉnh;
- Lưu: VT, VX.BTXH34

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đầu Thanh Tùng

**Phụ lục: Giao chỉ tiêu nâng cao khả năng tiếp cận
dịch vụ xã hội cơ bản năm 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Đơn vị	Trẻ em từ 5 đến dưới 15 tuổi không đi học được hỗ trợ để tiếp tục được đi học	Số người cận nghèo tham gia BHYT	Số hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở theo QĐ 48/2014/QĐ-TTg	Số hộ nghèo không sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh được sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh	Số hộ nghèo không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh được hỗ trợ tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh	Số hộ nghèo được tiếp cận dịch vụ thông tin, truyền thông
Toàn tỉnh		27	238.368	265	3.513	182	21.923
I. Khu vực TP, TX		3	18.450	-	259	14	2.026
1	TP. Thanh Hoá		1.910				110
2	TX. Bim Sơn		675				102
3	TP. Sầm Sơn	2	2.780				377
4	TX. Nghi Sơn	1	13.085		259	14	1.437
II. Khu vực đồng bằng, ven biển		-	109.976	265	986	39	6.704
II.1 Khu vực đồng bằng		-	66.486	-	693	28	4.196
5	Vĩnh Lộc		8.717		58	3	324
6	Nông Cống		8.509		114		635
7	Thiệu Hoá		12.707		96		566
8	Triệu Sơn		12.429		119	7	660
9	Yên Định		5.404		75	4	442
10	Thọ Xuân		10.789		112	8	798
11	Hà Trung		4.584		113	6	630
12	Đông Sơn		3.347		6		141
II.2 Khu vực ven biển		-	43.490	265	293	11	2.508
13	Quảng Xương		15.541		109		607
14	Hoằng Hoá		10.115	60	0		836
15	Hậu Lộc		9.228	48	124	7	688
16	Nga Sơn		8.606	157	60	4	377
III. Khu vực miền núi		24	109.942	-	2.268	129	13.193
III.1 4 huyện miền núi thấp		-	34.507	-	749	44	4.386
17	Như Thanh		10.894		179	11	1.118
18	Thạch Thành		9.779		320	19	1.881
19	Cẩm Thủy		3.742		63	4	350
20	Ngọc Lặc		10.092		187	10	1.037
III.2 7 huyện 30a		24	75.435	-	1.519	85	8.807
21	Như Xuân		8.404		136	8	753
22	Thường Xuân		5.975		206	11	1.144
23	Lang Chánh		8.704		116	6	642
24	Bá Thước		16.343		280	16	1.557
25	Quan Hoá	24	16.696		128	4	712
26	Quan Sơn		14.261		66	7	737
27	Mường Lát		5.052		587	33	3.262